

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp con chung, nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kình.

2. Bà Nguyễn Thị Nữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung, nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1989. HKTT: Số X, tổ X1, khu X2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Nơi ở: Số X3, ấp x4, xã PP, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn H, sinh năm 1987. HKTT: Số X, tổ X1, khu X2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số X3, ấp x4, xã PP, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2021, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 12/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà Phạm Thị L và ông Bùi Văn H tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 14/7/2014. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ông H thường hay vắng nhà, khi được góp ý thì ông không tiếp thu mà còn có lời lẽ không đúng mực, đòi ly hôn bà L. Do tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bùi Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Hoàng Gia B, sinh ngày 24/5/2015 và Bùi Hoàng Minh T, sinh ngày 17/02/2017. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình sống chung ông bà có vay của bà Nguyễn Thị L1 số tiền 220.000.000 đồng để mua xe ô tô kinh doanh theo giấy mượn tiền ngày 25/10/2019. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu Ông H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L1 số tiền nêu trên.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ông H phải hoàn trả tiền nợ cho bà Nguyễn Thị L1, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn – Ông Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 21/3/2022, bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Ngày 25/10/2019, bà L1 có cho vợ chồng bà L, Ông H vay số tiền 220.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm để mua xe ô tô kinh doanh, khi viết giấy vay tiền thì do bà L đứng ra vay dùm Ông H. Tuy nhiên đến nay Ông H vẫn chưa trả nợ. Do đó bà L1 yêu cầu Ông H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền 220.000.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L1 có đơn rút yêu cầu độc lập về việc buộc Ông H phải hoàn trả tiền nợ đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn cũng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, rút yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử với các yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị L khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Bùi Văn H. Bị đơn có nơi cư trú tại số X, tổ X1, khu X2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị L1 có đơn rút yêu cầu độc lập đối với bị đơn về việc hoàn trả số tiền nợ là 220.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Thị L và ông Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 14/7/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Bà Phạm Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn H vì cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và Ông H không quan tâm đến vợ, con. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận nhưng giữa các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; bản thân bà L không có nguyện vọng muốn tiếp tục cùng chung sống với Ông H. Ngoài ra, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập Ông H đến để làm việc nhưng ông vẫn vắng mặt, chứng tỏ không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Hoàng Gia B, sinh ngày 24/5/2015 và Bùi Hoàng Minh T, sinh ngày 17/02/2017, sau khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung. Nhận thấy hiện tại các cháu đang sống cùng với mẹ, do đó nhằm đảm bảo sự ổn định cho sự phát triển của các cháu và theo nguyện vọng của cháu B (tại biên bản ghi lời khai ngày 27/5/2022), Hội đồng xét xử xem chấp nhận yêu cầu của bà L, giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cần đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Do nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều rút yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Bùi Văn H về việc ly hôn, tranh chấp con chung, nợ chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn đối với ông Bùi Văn H.

- Về con chung: Bà Phạm Thị L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Hoàng Gia B, sinh ngày 24/5/2015 và Bùi Hoàng Minh T, sinh ngày 17/02/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Sau ly hôn, ông Bùi Văn H được quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, bà Phạm Thị L không được quyền cản trở Ông H thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Bùi Văn H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L1 về việc buộc ông Bùi Văn Thanh phải hoàn trả cho bà số tiền 220.000.00đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000961 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001061 ngày 21/3/2022.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo